TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **516**/2019/KDTM-PT
Ngày: 04-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Ngọc Anh**

Các Thẩm phán: **Bà Hà Thanh Thủy**

Ông Ngô Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trịnh Ngọc Hân** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Mai Hương**–kiểm sát viên

Trong ngày 7 tháng 5 và ngày 04 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1581/2018/KDTM-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1209/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT**
Địa chỉ: 82-84 đường C, phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Huỳnh D, sinh năm 1984

Bị đơn: **Công ty cổ phần OM**
Địa chỉ: 62 đường L, Phường L1, Quận L2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện được ủy quyền: bà Trần Mỹ D, sinh năm 1972

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

I- Tóm tắt nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm:

1) Nguyên đơn trình bày:

Ngày 01-11-2014, Công ty TNHH MTV dịch vụ du lịch BT ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 105/HĐHTKD-2014 và phụ lục Hợp đồng số 106/PLKĐTKD -2014 với Công ty cổ phần OM (gọi tắt là Công ty OM) để kinh

doanh siêu thị quy mô nhỏ tại 55B đường K, phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03-3-2015, Công ty TNHH MTV dịch vụ du lịch BT đã được chuyển đổi thành Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT (gọi tắt là Công ty BT)

Trong quá trình hợp tác, Công ty OM liên tục vi phạm quy định về việc phân chia kết quả kinh doanh, vi phạm quy định về việc thanh toán chi phí điện. Đồng thời, Công ty OM hoạt động kinh doanh không ổn định, ảnh hưởng đến uy tín của Công ty BT tại địa phương.

Ngày 18-5-2015, Công ty BT và Công ty OM thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 105/HĐHTKD-2014 và phụ lục hợp đồng số 106/PLHĐHTKD-2014 trước thời hạn. Tại biên bản thanh lý hợp đồng, hai bên thống nhất xác định số tiền Công ty OM còn nợ Công ty BT là 212.100.932 đồng, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Biên bản thanh lý. Công ty BT không phải hoàn trả số tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng là 100.000.000 đồng. Nhưng hết thời hạn đã thỏa thuận mà Công ty không thực hiện việc thanh toán công nợ.

Sau đó, Công ty BT đã liên hệ mời bà Nguyễn Thị Song T – người đại diện theo pháp luật của Công ty OM để làm việc. Tại cuộc họp ngày 02-7-2015, bà T có đề nghị được cấn trừ tiền cọc vào tiền nợ, đại diện Công ty BT yêu cầu Công ty OM phải thanh toán số tiền 112.100.932 đồng trước ngày 08-7-2015 thì mới xem xét cấn trừ tiền đặt cọc.

Do Công ty OM vẫn không thanh toán nợ nên Công ty BT đã khởi kiện Công ty BT với các yêu cầu sau:

- Yêu cầu Công ty cổ phần OM phải trả cho Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT tổng số nợ gốc là 221.100.932 đồng.

- Yêu cầu Công ty cổ phần OM phải trả cho Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT tiền lãi trên số nợ gốc do chậm thanh toán với mức lãi suất là 9%/năm. Số tiền lãi tạm tính từ ngày 18-6-2015 đến ngày 13-6-2016 là 18.827.590 đồng. Nguyên đơn sẽ tiếp tục cập nhật số tiền lãi chính xác cho đến ngày vụ án được xét xử để yêu cầu bị đơn phải trả.

2) Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

3) Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu như sau:

- Công ty cổ phần OM phải trả cho Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT tổng số nợ gốc là 212.100.932 đồng.

- Công ty cổ phần OM phải trả cho Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT tiền lãi trên số nợ gốc do chậm thanh toán với mức lãi suất là 9%/năm, số tiền cụ thể là 63.630.279 đồng.

- Không đồng ý cấn trừ số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng vào số tiền nợ mà bị đơn phải trả vì theo Biên bản thanh lý hợp đồng hai bên đã ký thì Công ty BT không phải trả lại số tiền đã nhận cọc. Tại cuộc họp ngày 02-7-2015, đại diện Công ty BT yêu cầu Công ty OM phải thanh toán hết số tiền 112.100.932 đồng trước ngày 08-7-2015 thì mới xem xét cấn trừ tiền cọc nhưng Công ty OM không thực hiện việc trả tiền.

II- Quyết định của bản án sơ thẩm:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty cổ phần OM phải có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT số tiền nợ gốc là 212.100.932 đồng và tiền lãi là 63.630.279 đồng. Tổng cộng là 275.731.211 đồng, phát sinh tư Biên bản thanh lý số BBTL – 105/PLHĐHTKD – 2104 ngày 18-05-2015.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của đương sự.

III- Kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21-01-2019, Công ty cổ phần OM kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, lý do: bản án sơ thẩm đã không xem xét đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng hợp tác kinh doanh và phụ lục hợp đồng gây bất lợi cho Công ty cổ phần OM.

IV- Tại phiên tòa phúc thẩm:

1) Bị đơn trình bày:

Bị đơn không xác nhận chữ ký trong Biên bản thanh lý ngày 18-5-2015, Biên bản họp ngày 02-7-2015 là của bà Nguyễn Thị Song T và con dấu là của Công ty cổ phần OM. Các chứng cứ này do Công ty BT ngụy tạo nhưng do Công ty cổ phần OM hiện đang gặp khó khăn nên không có tiền đóng tạm ứng chi phí giám định chữ ký và con dấu.

Công ty cổ phần OM đã ngưng hoạt động từ tháng 12-2014 và báo cho Công ty BT thông qua điện thoại. Khi bàn giao mặt bằng hai bên không lập biên bản. Hợp đồng hợp tác kinh doanh được phân chia lợi nhuận khi có doanh thu, trường hợp thua lỗ thì không có lợi nhuận nên Công ty cổ phần OM chỉ chấp nhận nợ tháng 12-2014 của nguyên đơn là 36.150.000 đồng và chi phí sử dụng điện của tháng này.

2- Nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn xác định chữ ký trong Biên bản thanh lý ngày 18-5-2015, Biên bản họp ngày 02-7-2015 là của bà Nguyễn Thị Song T và con dấu là của Công ty cổ phần OM.

Công ty BT không nhận được thông báo của bị đơn về việc ngưng hoạt động, trả lại mặt bằng cuối tháng 12-2014.

Sau khi hai bên ký Biên bản thanh lý ngày 18-5-2015, Biên bản họp ngày 02-7-2015 thì nguyên đơn cũng đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng bị đơn vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Công ty cổ phần dịch vụ BT xác nhận có gửi Thông báo số 84/TB-KT ngày 20-8-2015 về việc yêu cầu Công ty cổ phần OM thanh toán số nợ 212.100.932 đồng trước ngày 31-8-2015, nếu không thanh toán đủ và đúng hạn thì nguyên đơn sẽ tiến hành khởi kiện.

Phạt chậm thanh toán được nguyên đơn xác định thời gian bắt đầu tính theo Biên bản thanh lý ngày 18-5-2015.

V- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án trong giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng:

Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét yêu cầu kháng cáo:

Quá trình thực hiện hợp đồng và phụ lục, do Công ty cổ phần OM vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hai bên thỏa thuận chấm dứt thực hiện hợp đồng. Qua nhiều biên bản làm việc, hai bên thừa nhận Công ty cổ phần OM còn nợ Công ty BT 221.000.932 đồng. Do Công ty OM có lỗi nên nếu thanh toán trước ngày 8-7-2015 thì Công ty BT sẽ trừ tiền cọc 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty OM không thực hiện mặc dù được nhắc nhiều lần. Như vậy, Tòa án nhân dân Quận 3 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Ngày 21-01-2019, Công ty OM nộp đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của Công ty BT là không có cơ sở. Đồng thời, trong quá trình Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết vụ án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty OM và đại diện pháp luật nhưng bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và không tham gia tố tụng là từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình.

Do vậy, việc Công ty OM cho rằng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các điều khoản thỏa thuận tại hợp đồng và phụ lục gây bất lợi cho bị đơn là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1581/2018/KDTM-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần OM nộp trong thời hạn qui định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] - Xem xét nội dung kháng cáo:

2.1 - Về công nợ:

Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT và Công ty cổ phần OM có ký đồng Hợp tác kinh doanh số 105/HĐHTKD-2014 ngày 01-11-2014 và phụ lục Hợp đồng số 106/PLKĐTKD 01-11-2014 về việc hợp tác kinh doanh siêu thị quy mô nhỏ tại 55B đường K, phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh .

Ngày 18-5-2015, hai bên lập Biên bản thanh lý đối với hợp đồng và phụ lục nêu trên, tại Điều 2 của biên bản có nội dung:

- Bên A (Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT) không hoàn trả tiền đặt cọc theo qui định tại Điều 4 phụ lục Hợp đồng số 106/PLKĐTKD ngày 01-11-2014 vì bên B (Công ty cổ phần OM) vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký (Điều 1).
- Bên B còn phải thanh toán số tiền 212.100.932 đồng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày biên bản này có hiệu lực.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đề nghị trưng cầu giám định đối với chữ ký của bà Nguyễn Thị Song T và con dấu của Công ty cổ phần OM trong Biên bản thanh lý ngày 18-5-2015 và Biên bản họp ngày 02-7-2015 vì cho rằng chữ ký và con dấu đóng trong các văn bản này không phải của bà Thao và Công ty cổ phần OM. Tuy nhiên, ngày 23-5-2019 thì Công ty cổ phần OM có Đơn xin rút đơn đề nghị trưng cầu giám định nên Tòa án không xem xét.

Bị đơn trình bày có thông báo thông qua điện thoại cho nguyên đơn đến cuối tháng 2-2014 sẽ trả mặt bằng nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Do các bên không lập biên bản bàn giao mặt bằng nên không có căn cứ để xem xét thời gian bị đơn giao trả.

Như vậy, nguyên đơn căn cứ Biên bản thanh lý ngày 18-5-2015 để đòi số nợ 212.100.932 đồng là có căn cứ.

2.2 - Về lãi phạt chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần OM phải trả trên số nợ gốc với mức lãi suất là 9%/năm, được tính từ ngày 19-7-2015 đến ngày 19-11-2018 là 63.630.279 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Do bị đơn chậm thanh toán nên nguyên đơn đòi lãi phạt chậm thanh toán là có căn cứ.

Mức lãi suất 9% mà nguyên đơn áp dụng là phù hợp qui định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn tính lãi xét thấy tại Thông báo số 84/TB-KT ngày 20-8-2015, Công ty cổ phần dịch vụ BT yêu cầu Công ty cổ phần OM thanh toán số

nợ 212.100.932 đồng trước ngày 31-8-2015. Như vậy, kể từ ngày 31-8-2015 thì Công ty cổ phần OM mới vi phạm nghĩa vụ và phải bị phạt chậm thanh toán nên yêu cầu đòi lãi phạt của nguyên đơn cần được tính lại.

Trừ đi thời gian từ ngày 19-7-2015 đến ngày 30-8-2015 (01 tháng 12 ngày), số tiền được tính là 2.227.058 đồng thì số tiền lãi phạt nguyên đơn được chấp nhận là 61.403.221 đồng

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về lãi phạt chậm thanh toán.

[3] - Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Đương sự kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong đó có phạt chậm thanh toán. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy thời gian tính phạt chậm thanh toán nguyên đơn tính không đúng nên sửa lại phần này trong quyết định của bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[4] - Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo được chấp một phần nhận nên mức án phí sơ thẩm được tính lại.

- Án phí phúc thẩm:

Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;
Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần OM,

Sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

Buộc Công ty cổ phần OM phải có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT số tiền là 273.504.153 đồng, phát sinh từ Biên bản thanh lý số BBTL - 105/PLHĐHTKD - 2104 ngày 18-05-2015, bao gồm:

- Nợ gốc là 212.100.932 đồng

- Lãi phạt chậm thanh toán là 61.403.221 đồng

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần OM phải chịu án phí là 13.675.208 đồng.

Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT phải chịu là 3.000.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 5.302.523 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2014/0002191 ngày 05-5-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Công ty cổ phần dịch vụ du lịch BT còn được nhận lại 2.302.523 đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Công ty cổ phần OM được nhận lại 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0021762 ngày 22-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

Việc thi hành được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Hân).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Anh